

Số: 1718 /STC-QLNS
V/v hướng dẫn xây dựng dự
toán Ngân sách Nhà nước
năm 2022.

Kiên Giang, ngày 06 tháng 9 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Căn cứ Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024.

Sở Tài chính hướng dẫn các huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện) công tác đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2021 và xây dựng dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2022 như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2021

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2021

a) Căn cứ kết quả thu 6 tháng đầu năm, các yếu tố về chính sách và kinh tế ảnh hưởng đến thu ngân sách trong 6 tháng cuối năm, trong đó tập trung làm rõ những thuận lợi, khó khăn, nhất là tác động của đại dịch Covid-19, biến đổi khí hậu, thiên tai đến tình hình sản xuất kinh doanh trên địa bàn, cập nhật số thuế được gia hạn nộp sẽ đến hạn nộp trong các tháng cuối năm,... để dự kiến thực hiện cả năm 2021 của đơn vị trên cơ sở kiến nghị giải pháp nhằm phấn đấu hoàn thành cao nhất dự toán thu NSNN được Hội đồng nhân dân quyết định.

b) Đánh giá tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí (đánh giá số thu phí, lệ phí theo quy định; số thu phí nộp NSNN); thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác trong năm 2021 theo Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

c) Đánh giá các khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí).

2. Tình hình thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách năm 2021

a) Tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển (ĐTPT)

- Đánh giá việc triển khai và tổ chức thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021: nêu rõ tình hình phân bổ và giao, điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN năm 2021, chi tiết theo từng lĩnh vực chi.

- Đánh giá khả năng thực hiện vốn đầu tư ĐTPT theo nguồn vốn: nguồn XDCB tập trung, nguồn tiền sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết; nguồn vốn năm trước chuyển sang năm 2021 thực hiện và các nguồn vốn khác theo quy định: Đánh giá tình hình giải ngân vốn đến hết tháng 6 năm 2021, dự kiến khả

năng thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021; chi tiết theo từng nguồn vốn; có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2020, kế hoạch vốn năm 2021 - kể cả vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2021, kèm theo thuyết minh).

- Đối với chi ĐTPT từ nguồn tiền thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền và chuyển mục đích sử dụng đất: báo cáo tình hình thu, nộp ngân sách và việc thực hiện dự toán chi ĐTPT năm 2021 từ nguồn thu này.

b) Tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên:

- Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán chi thường xuyên 6 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện cả năm 2021 chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao, trong đó, bên cạnh việc đánh giá các nhiệm vụ chi theo dự toán, tập trung làm rõ các nhiệm vụ chi phát sinh để ứng phó với đại dịch Covid-19, phòng chống thiên tai, đảm bảo quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội.

- Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn nguồn chi thường xuyên của NSNN trong 6 tháng đầu năm, dự kiến cả năm 2021; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý về cơ chế, chính sách trong tổ chức thực hiện, cụ thể:

+ Rà soát, xác định các nhiệm vụ, chính sách, chế độ kết thúc; kiến nghị bổ sung, sửa đổi các nhiệm vụ, chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

+ Đánh giá việc thực hiện cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ.

+ Tình hình tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy: Kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2021 và lũy kế thực hiện trong giai đoạn 2016-2021, chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị (Nghị quyết số 39-NQ/TW) và các văn bản liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trong đó làm rõ: (1) Số giảm biên chế, giảm đầu mỗi tổ chức bộ máy; (2) Số kinh phí NSNN tiết kiệm được do giảm biên chế, giảm tổ chức bộ máy, trong đó số sử dụng để thực hiện cải cách tiền lương; (3) Số kinh phí phải bố trí từ NSNN để thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 về chính sách tinh giản biên chế (Nghị định số 108/2014/NĐ-CP), số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế (Nghị định số 113/2018/NĐ-CP), số 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP (Nghị định số 143/2020/NĐ-CP), số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

- Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công (Nghị định số 16/2015/NĐ-CP) và các Nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong các lĩnh vực sự nghiệp cụ thể trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2021 và lũy kế đến hết năm 2021, chi tiết theo từng mục tiêu, trong đó báo cáo cụ thể dự kiến số lượng và mức độ tự chủ của từng đơn vị; nguồn tài chính và nhiệm vụ chi của đơn vị, chi tiết theo nguồn NSNN, nguồn thu sự nghiệp đối với từng lĩnh vực sự nghiệp, từng đơn vị; tổng số biên chế và số lượng biên chế hưởng lương từ NSNN theo từng lĩnh vực sự nghiệp vào thời điểm năm 2021.

- Đánh giá tác động của việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao khả năng tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập đến việc bố trí NSNN theo từng lĩnh vực trong năm 2021 và lũy kế đến năm 2021, trong đó: đánh giá số giảm chi từ NSNN đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo từng lĩnh vực (sự nghiệp y tế, sự nghiệp giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp...) và việc sử dụng số kinh phí NSNN dành ra từ việc nâng cao tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập; các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

c) Đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN của ngân sách huyện:

Ngoài các yêu cầu chung nêu trên, các huyện, thành phố tập trung đánh giá thêm một số nội dung sau:

- Đánh giá công tác huy động các nguồn lực tài chính ở địa phương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương năm 2021.

- Khả năng cân đối ngân sách huyện so với dự toán, các biện pháp đã và sẽ thực hiện để đảm bảo cân đối ngân sách huyện trong trường hợp dự kiến bị giảm thu ngân sách huyện do dịch bệnh.

- Tình hình phân bổ, giao dự toán chi NSNN từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng của địa phương.

- Báo cáo kết quả sử dụng số kinh phí do ngân sách cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chế độ, chính sách như: Nghị định số 136/2013/NĐ-CP; hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3-5 tuổi theo Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 và Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg; chính sách hỗ trợ miễn giảm học phí, chi phí học tập cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP; chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học tại các cơ sở giáo dục theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC; chính sách hỗ trợ tiền điện cho đối tượng hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo Quyết định 28/2014/QĐ-TTg; chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP; chính sách miễn thu thủy lợi phí theo Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012, ...

- Đánh giá tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn năm 2021 đối với từng chính sách, có báo cáo cụ thể đối tượng, nhu cầu kinh phí

thực hiện chính sách (có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính) và chênh lệch so với số kinh phí NSNN đã bố trí; trường hợp có các đối tượng tăng/giảm do điều chỉnh địa bàn vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban dân tộc, đề nghị thuyết minh cụ thể nhu cầu kinh phí tăng hoặc giảm.

- Tình hình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người dân, gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo các Nghị quyết của Chính phủ: số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, số 154/NQ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020, số 16/NQ-CP ngày 08 tháng 2 năm 2021 của Chính phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID-19, số 17/NQ-CP ngày 09 tháng 2 năm 2021 của Chính phủ về chi hỗ trợ tiền ăn và bồi dưỡng chống dịch COVID-19 trong 05 ngày Tết Nguyên Đán năm Tân Sửu 2021, số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; tình hình thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2021 về mua và sử dụng vắc xin phòng Covid-19 và hỗ trợ kinh phí phòng, chống thiên tai, dịch bệnh khác (nếu có).

- Tình hình sử dụng dự phòng NSDP đến ngày 30 tháng 8 năm 2021, số dự kiến sử dụng trong 4 tháng cuối năm 2021, trong đó chi tiết số hỗ trợ cho công tác phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; chi hỗ trợ người dân, người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; hỗ trợ chính sách đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19.

- Nguồn cải cách tiền lương năm 2021, số còn dư (nếu có) sau khi đã đảm bảo đủ nhu cầu cải cách tiền lương trong năm 2021, để chi trả thay phần ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành (giảm tương ứng phần ngân sách cấp tỉnh phải hỗ trợ theo chế độ) theo quy định tại Quyết định số 579/QĐ-TTg.

3. Đánh giá tình hình đảm bảo kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương

Các huyện, thành phố báo cáo về:

a) Quỹ lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) thực hiện năm 2020 và dự kiến năm 2021;

b) Nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2021;

c) Việc sử dụng nguồn lực của địa phương để thực hiện cải cách tiền lương năm 2021, trong đó làm rõ:

- Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương chưa sử dụng hết năm 2020 chuyển sang năm 2021 (nếu có);

- Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ; riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%. Phạm vi trích số thu

được để lại thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về nhu cầu và nguồn cải cách tiền lương năm 2021.

- Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ);

- Nguồn 70% tăng thu NSDP năm 2020 theo quy định (không kể thu tiền sử dụng đất);

- Nguồn dành ra để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định từ giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính và hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đối với các địa phương còn nguồn cải cách tiền lương dư, sau khi đã đảm bảo đủ nhu cầu thực hiện chính sách tiền lương trong năm 2021, thì sử dụng để chi thực hiện các chính sách an sinh xã hội; chi hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo quy định.

d) Tình hình thực hiện các kiến nghị của cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan Thanh tra trong lĩnh vực tài chính - NSNN, quản lý tài sản công.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2022

Năm 2022, là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, là năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2022-2025, nên có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2021-2025 và các mục tiêu chiến lược tài chính đến năm 2025.

1. Việc xây dựng dự toán NSNN năm 2022 phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Dự toán NSNN năm 2022 được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn; có đầy đủ thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán; phù hợp với Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh và định hướng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025.

- Trên cơ sở đánh giá thực hiện năm 2021; các nội dung trình phê duyệt về mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021-2025 của địa phương; mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương giai đoạn 2021-2025; các địa phương xác định nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2022, chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2022 trên cơ sở khả năng nguồn lực (bao gồm cả nguồn hợp pháp khác theo quy định); triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

- Tập trung chỉ đạo, xử lý, giải quyết ngay từ khâu xây dựng dự toán những tồn tại, sai phạm trong quản lý tài chính, ngân sách đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện, kiên nghị theo đúng quy định của pháp luật.

2. Xây dựng dự toán thu NSNN:

Trên cơ sở dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; cơ chế, chính sách thu hiện hành. Sở Tài chính đề nghị các địa phương tập trung xây dựng dự toán thu năm 2022 đảm bảo các yêu cầu sau:

2.1. Triển khai xây dựng dự toán thu năm 2022 với tinh thần trách nhiệm cao, đảm bảo tính tích cực, khả thi, sát với phát sinh thu thực tế tại địa phương.

2.2. Dự toán được xây dựng trên cơ sở tổng hợp đầy đủ các khoản thuế, phí phát sinh trên địa bàn, phân đầu dự toán thu nội địa (không kể tiền sử dụng đất) năm 2021 tăng phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn.

2.3. Đối với khoản thu phí, thu dịch vụ sự nghiệp công, học phí, giá dịch vụ y tế, các khoản thu hợp pháp khác được để lại cho cơ quan, đơn vị sử dụng theo quy định không tổng hợp vào dự toán thu NSNN của các địa phương, nhưng các cơ quan, đơn vị phải lập dự toán riêng, thuyết minh cơ sở tính toán và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định. Các địa phương tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chi để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

3. Xây dựng dự toán chi ngân sách huyện:

3.1. Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2022 theo đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, các Luật có liên quan; các quy định của pháp luật về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN, gắn với việc triển khai chủ trương sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đầu mối khu vực sự nghiệp công lập. Tiếp tục quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hiện chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lặp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2022 để hoàn thành các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

3.2. Dự toán chi NSDP được xây dựng căn cứ dự toán thu NSDP được hưởng theo phân cấp, các mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và giai đoạn 2021-2025 theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSDP năm 2022.

3.3. Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển bằng nguồn NSNN năm 2022 phải được xây dựng trên cơ sở các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025.

Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền cho thuê đất: các huyện lập phương án bố trí dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản tương ứng với số thu để đầu tư cho các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các dự án di dân, tái định cư, chuẩn bị mặt bằng xây dựng.

3.4. Xây dựng dự toán chi thường xuyên:

a) Đối với dự toán chi thường xuyên, thực hiện giảm dự toán đối với các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp trên cơ sở tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy, đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022 được xác định căn cứ vào kết quả thực hiện lũy kế đến năm 2021, mục tiêu Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, riêng mức giảm biên chế được xác định theo quyết định giao biên chế của cấp thẩm quyền (nếu có).

Các địa phương lập phương án sử dụng số kinh phí giảm chi thường xuyên cấp trực tiếp cho các đơn vị sự nghiệp y tế và sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề theo thực tế điều chỉnh giá dịch vụ y tế, giáo dục - đào tạo và dạy nghề năm 2022 theo lộ trình.

b) Xây dựng dự toán chi thường xuyên phải được xây dựng trên cơ sở các tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của ngân sách nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quyết định; lập dự toán chi ngân sách huyện cụ thể đối với từng lĩnh vực chi theo quy định, bảo đảm triệt để để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu xây dựng dự toán.

c) Dự toán chi hoạt động năm 2022 của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với mục tiêu sắp xếp lại tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế. Xác định chi con người theo biên chế được giao năm 2021. Cụ thể:

- Thực hiện tinh giản biên chế với mức giảm biên chế năm 2022 theo quyết định của cấp thẩm quyền hoặc theo Đề án tinh giản biên chế được duyệt.

- Ước tính tác động của sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế đến NSNN, gồm: (i) kinh phí dành ra đối với các cơ quan hành chính từ giảm chi NSNN do sắp xếp tổ chức bộ máy (giảm chi hoạt động bộ máy, chi cơ sở vật chất...); giảm chi NSNN do giảm biên chế (giảm chi quỹ lương, giảm chi thường xuyên,...); (ii) nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách tinh giản biên chế theo chế độ, chính sách hiện hành.

- Đối với dự toán chi thường xuyên cấp xã, rà soát cụ thể việc sắp xếp biên chế cấp xã tại các văn bản như: Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 1/12/2020 của UBND tỉnh Goa số lượng và bố trí cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 549/2021/NQ-HĐND ngày 23/1/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khu phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị định số 34/2020/NĐ-CP và các văn bản khác (nếu có). Riêng đối với lực lượng ấp đội, khu đội, công an viên ấp hiện tại chưa ban hành văn bản mới thay thế trước mắt đề nghị áp dụng tại các văn bản có liên quan như Nghị quyết số 77/2018/NQ-HĐND; Nghị quyết số 111/2010/NQ-HĐND ngày 10/6/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh, khi ban hành văn bản mới đề nghị áp dụng theo quy định hiện hành.

d) Dự toán chi hoạt động năm 2022 nguồn NSNN của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW và quy định tại Nghị định số

60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị định số 60/2021/NĐ-CP). Trong đó:

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi phòng Tài chính Kế hoạch cùng thời điểm xây dựng dự toán NSNN hằng năm.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên xây dựng dự toán chi NSNN giai đoạn 2022-2025 giảm tối thiểu 15% so với dự toán chi NSNN giai đoạn 2017-2021, dự toán chi năm 2022 giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước, giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước tương ứng mức giảm chi thường xuyên từ ngân sách;

- Các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2016-2020, dự toán chi năm 2022 giảm tối thiểu 2% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm.

đ) Một số lưu ý thêm khi xây dựng dự toán chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo, y tế, chi quản lý hành chính và sự nghiệp khác:

- Số biên chế năm 2022 (bằng số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2021 trừ đi (-) số biên chế phải tinh giản năm 2022 theo mức giảm tối thiểu/năm đối với từng khối cơ quan, đơn vị quy định tại Kết luận số 17-KL/TW, trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt năm 2021 (nếu có).

- Xác định Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm: (i) Quỹ tiền lương của số biên chế thực có mặt tính đến ngày 01/7/2021 (trong phạm vi biên chế được duyệt), được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, BHYT, kinh phí công đoàn); (ii) Quỹ tiền lương của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ; (iii) số phải giảm Quỹ lương theo lộ trình thực hiện tinh giản Kết luận số 17-KL/TW.

- Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) năm 2022 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

Ngoài ra cần thuyết minh rõ các nội dung như:

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học

tập; kinh phí thực hiện nâng cao trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ; kinh phí thực hiện chính sách đối với sinh viên sư phạm theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ; kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ; kinh phí để thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo lộ trình tại Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội;...

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán nhu cầu chi thực hiện các chương trình, đề án của ngành y tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; dự kiến số kinh phí giảm cấp chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp y tế theo lộ trình điều chỉnh phí, giá dịch vụ y tế; nhu cầu NSNN hỗ trợ do giá, phí dịch vụ y tế chưa kết cấu đủ chi phí tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tự bảo đảm một phần chi phí thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp y tế công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

e) Kinh phí phụ cấp, trợ cấp đối với vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 4 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 433/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban dân tộc; Quyết định số 596/QĐ-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

3. Các huyện tiếp tục chủ động tính toán dành các nguồn theo quy định để thực hiện cải cách tiền lương năm 2022, trong đó: tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) và nguồn cải cách tiền lương lũy kế đến hết năm 2021 chuyển sang để thực hiện (bao gồm nguồn 70% tăng thu thực hiện của NSDP năm 2021 chưa sử dụng hết - nếu có); sử dụng một phần nguồn thu của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

4. Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế:

Việc lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2022 theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP, Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

5. Ngân sách cấp huyện bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định của Luật NSNN năm 2015 để chủ động đối phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

6. Căn cứ số kiểm tra thu, chi ngân sách năm 2022, các địa phương xây dựng dự toán chi chặt chẽ, chi tiết theo từng lĩnh vực quy định tại Luật NSNN,

từng nhiệm vụ, từng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc; sau khi làm việc với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các huyện, thành phố triển khai ngay công tác lập phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2022 của địa phương mình, để khi nhận được dự toán ngân sách Ủy ban nhân dân tỉnh giao, chủ động trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ theo từng lĩnh vực và giao dự toán ngân sách đến đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo trước ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo quy định của Luật NSNN.

Các huyện phải báo cáo bằng văn bản về đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2021 và dự toán NSNN năm 2022, đồng thời thuyết minh rõ ràng, chi tiết về dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 theo đơn vị thực hiện và từng nhiệm vụ chi quan trọng theo quy định; gửi đến Sở Tài chính để tổng hợp theo quy định.

III. Mẫu biểu và thời gian gửi dự toán ngân sách năm 2022:

1. Mẫu biểu xây dựng dự toán:

a) Đối với ngân sách huyện:

Lập dự toán NSNN theo hệ thống biểu mẫu quy định tại Điều 12 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước. Đồng thời đề nghị huyện báo cáo thêm một số biểu theo phụ lục đính kèm công văn này.

b) Đối với ngân sách xã, phường, thị trấn: lập dự toán NSNN theo hệ thống biểu mẫu quy định kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn.

2. Thời gian gửi dự toán NSNN năm 2022:

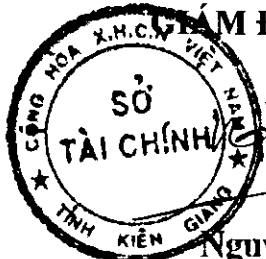
Các huyện gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện NSNN năm 2021 và dự toán NSNN năm 2022 về Sở Tài chính **trước ngày 15 tháng 10 năm 2021**. Đồng thời gửi theo địa chỉ email: ngoseal@gmail.com và thaibinhnhuhoaxuan@gmail.com

Trên cơ sở dự toán NSNN năm 2022 của UBND các huyện, thành phố gửi, Sở Tài chính sẽ có lịch làm việc cụ thể với từng địa phương để thảo luận về dự toán NSNN năm 2022.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phản ánh về Sở Tài chính để kịp thời xử lý. / *ĐK*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Cục thuế Tỉnh;
- Phòng TC-KH huyện, TP;
- Lưu: VT, ĐT, QLNS.



 KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Quốc Khởi

Phụ lục 1
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI NĂM 2021
HUYỆN, THÀNH PHỐ...

(Phụ lục kèm theo Công văn số 1718 /STC-QLNS ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Nội dung chi	Thực hiện năm 2020		Ước thực hiện năm 2021							Dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022		
		Số đối tượng	Kinh phí thực hiện	Đối tượng	Nhu cầu kinh phí	Số kinh phí đã bố trí				Kinh phí còn dư	Kinh phí thiếu đề nghị bổ sung	Số đối tượng	Nhu cầu kinh phí
						Kinh phí đã bổ sung trong cân đối ngân sách	Nguồn ngân sách tính bổ sung có mục tiêu	Nguồn ngân sách địa phương					
							Nguồn cải cách tiền lương của ngân sách huyện	Các nguồn khác của ngân sách huyện					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
TỔNG SỐ													
1	Chính sách thuộc lĩnh vực Giáo dục, đào tạo												
2	Chính sách thuộc lĩnh vực y tế												
3	Chính sách thuộc lĩnh vực đảm bảo xã hội												
4	Các chính sách khác (nếu có)												

Phụ lục 4

TỔNG HỢP PHỤ CẤP THU HÚT TĂNG, GIẢM DO ĐIỀU CHỈNH ĐỊA BÀN VÙNG KINH TẾ XÃ HỘI ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN NĂM 2017 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 131/QĐ-TTg VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 582/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ HUYỆN, THÀNH PHỐ...

(Phụ lục kèm theo Công văn số 1148 /STC-QLNS ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Sở Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt năm 2021	Biên chế có mặt đến 31/8/2021	Biên chế được hưởng phụ cấp thu hút có mặt đến 31/8/2021	Tổng hệ số lương ngạch bậc, phụ cấp			Phụ cấp thu hút
					Tổng số	Hệ số lương ngạch bậc	Hệ số phụ cấp chức vụ, vượt khung	
A	B	1	2	3	4=5+6	5	6	7
1	Xã							
-	Trưởng							
-	Trạm							
2	Xã							
-	Trưởng							
-	Trạm							